

CÔNG TY TNHH NHÀ BÓN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÀ BÓN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BON HOUSE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BON HOUSE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108618874

3. Ngày thành lập: 21/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, ngõ 43/17, đường Tân Xuân, khu tập thể Công ty Cầu 7, cụm 11, tổ dân phố Tân Xuân 5, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 035629694

Fax:

Email: BonHouseTSC@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
2.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
3.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
4.	Khai thác gỗ	0220
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
7.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
8.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
9.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
10.	Sản xuất chè	1076
11.	Tái chế phế liệu	3830
12.	Bán buôn tổng hợp	4690
13.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
14.	Sản xuất cà phê	1077
15.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
16.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
17.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
18.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
20.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
21.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

22.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
23.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
24.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
25.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
26.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
27.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
29.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
30.	Đại lý du lịch	7911
31.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
32.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
35.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
36.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
37.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
38.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
39.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
40.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
41.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
49.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ trường hợp đấu giá	4791
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
55.	Cơ sở lưu trú khác	5590

56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
58.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
59.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
60.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
61.	Cho thuê xe có động cơ	7710
62.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
63.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HỮU THÀNH	Số 5, ngõ 43/17, đường Tân Xuân, khu tập thể Công ty Cầu 7, cụm 11, tổ dân phố Tân Xuân 5, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	5,000	011541975	
2	NGUYỄN QUẾ NGÀ	114 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19.000.000.000	95,000	034177007196	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUẾ NGA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/10/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034177007196

Ngày cấp: 23/10/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *114 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *811, CT3, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội